

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021

V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Tới,
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp L 2, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tấn T, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Phạm Tấn T trên cơ sở tìm hiểu với nhau được một thời gian thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm

2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Bến Cầu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 0016/2017 ngày 12 tháng 4 năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Đến tháng 12/2020, chị L trở về nhà cha mẹ ruột tại xã L, huyện Bến Cầu sống cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn được nên chị L yêu cầu ly hôn anh Phạm Tấn T.

- Về con chung: Chị L và anh T có một con chung Phạm Trần Thị Thảo P, sinh ngày 27/11/2017. Trước đây khi chưa ly thân thì cháu P sống chung cùng vợ chồng chị tại nhà mẹ ruột anh T. Nhưng từ khi ly thân thì giữa chị và anh T có thỏa thuận mỗi bên được quyền chăm sóc cháu P 01 tuần. Nhưng hiện nay cháu P gần đến tuổi đi học, do đó cần nơi ở ổn định để đăng ký đi học nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Bởi lẽ, chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH MTV P với mức thu nhập khoảng 6.500.000 đồng/tháng, đảm bảo để nuôi dưỡng cháu P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – Anh Phạm Tấn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn chị L trình bày là chưa đúng. Bởi vì, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi chị L đi làm công nhân thì thường hay đi uống rượu với đồng nghiệp khác giới, anh có khuyên can nhưng chị L không thay đổi nên từ đó vợ chồng thường hay gây gổ, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng anh nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và không thể hoà giải hàn gắn nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên Phạm Trần Thị Thảo P, sinh ngày 27/11/2017; từ khi sinh đến nay, cháu P sống chung với gia đình anh. Sau khi ly thân thì giữa anh và chị L có thỏa thuận mỗi bên chăm sóc 01 tuần. Tuy nhiên, hiện nay cháu P gần đến tuổi đi học do đó anh yêu cầu được nuôi cháu P để cháu P có nơi ở ổn định để đăng ký học, anh không yêu cầu chị L

cấp dưỡng. Bởi lẽ, anh là tài xế lái xe của Công ty B tại xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với mức thu nhập từ lương mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng cộng với tiền thưởng theo quý hoặc các ngày lễ, tết chia bình quân hơn 10.000.000 đồng/ 01 tháng, đảm bảo thu nhập để nuôi dưỡng cháu P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L không có nên không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát vi phạm khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

Về con chung: Xét thấy anh T có nhà ở ổn định và gần trường học, có mức thu nhập cao hơn và thời gian chăm sóc, gần gũi cháu P nhiều hơn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T, giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Phạm Tấn T không yêu cầu chị Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân, nuôi con giữa chị L và anh Phạm Tấn T,

anh T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T thống nhất kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 0016/2017 ngày 12 tháng 4 năm 2017 nên hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, chị L và anh T thống nhất có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và không hợp nhau về tính tình. Mặc dù chị L và anh T đã tự hòa giải và gia đình hai bên cũng đã hòa giải cho chị L và anh T nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Qua làm việc anh T chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, điều đó chứng tỏ đời sống hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh T thống nhất có một con chung tên Phạm Trần Thị Thảo P, sinh ngày 27/11/2017. Khi ly hôn, chị L và anh T đều có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nơi cư trú, môi trường sống và thời gian chăm sóc con chung thì thấy rằng:

Từ khi sinh ra cho đến khi anh T, chị L ly thân vào tháng 12/2020 thì cháu P sống tại nhà anh T, do anh T và mẹ ruột anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đến tháng 02/2021, giữa anh T và chị L có thỏa thuận mỗi bên chăm sóc cháu P 01 tuần cho đến khi có quyết định của Tòa án. Quá trình làm việc thể hiện, chị L và anh T đều là công nhân nhưng thời gian để gần gũi chăm sóc cháu P thì anh T đảm bảo hơn. Mặt khác, dù chị L, anh T đều có thu nhập ổn định nhưng xét về mức thu nhập thì anh T có mức thu nhập cao hơn, có nhà ở ổn định, gần trường học thuận tiện cho việc cháu P được đi học. Hơn nữa, từ ngày ly thân, gia đình anh T và anh T không gây cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với chị L.

Từ các phân tích nêu trên, xét thấy anh T vẫn chăm sóc tốt, đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần cho con chung. Do đó, cần tiếp tục giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Không chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi dưỡng cháu P; Ghi nhận anh Phạm Tấn T không yêu cầu chị Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Tấn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Phạm Tấn T. Chị L được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trần Thị Thảo P, sinh ngày 27/11/2017 cho anh Phạm Tấn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Phạm Tấn T không yêu cầu chị Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, anh Phạm Tấn T và thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: L và anh T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0014579 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Phạm Tấn T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị L và anh Phạm Tấn T có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu